

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 2148/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây gọi chung là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Các quy định về nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, nội dung xây dựng mô hình trình diễn và các nội dung chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông được thực hiện theo quy định tại Nghị định số

83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung

Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức chi

a) Chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND);

b) Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại số thứ tự thứ 3 của phụ lục kèm theo Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND);

c) Phụ cấp tiền ăn, nước uống, chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Thực hiện theo quy định tại Điều 1, 5 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND);

d) Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học: Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 5 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND;

đ) Chi nước uống phục vụ lớp học: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND;

e) Chi thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

Điều 4. Bồi dưỡng, tập huấn đào tạo cho đối tượng chuyển giao công nghệ và đối tượng nhận chuyển giao công nghệ

1. Nội dung

Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.

2. Mức chi

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ

- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND;

- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định điểm a khoản 8 Điều 5 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Mức hỗ trợ như đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này;

- Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên; thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND;

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: Được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

c) Đối với khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước

- Chi tiền phương tiện đi lại: Thực hiện theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;

- Chi phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ: Thực hiện theo quy định tại Điều 2, 3 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND.

d) Đối với khảo sát, học tập kinh nghiệm nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 5. Thông tin tuyên truyền

1. Nội dung

Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức chi

a) Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

- Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ thực tế hợp pháp đúng quy định của pháp luật;

- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng

- Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống, thuê chỗ nghỉ: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6 của Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND;

- Thuê hội trường, tiền văn phòng phẩm, tài liệu, thuê phương tiện đưa đón đại biểu, thuê điểm tham quan học tập, panô, bảng cấm: Chi theo hóa đơn tài chính, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;

- Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: Mức hỗ trợ 100% các khoản chi phí; thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); vận chuyển. Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng); tổ chức hội thảo (chi phí thuê hội trường, thiết bị); thông tin tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

d) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại số thứ tự thứ 10 của phụ lục kèm theo Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND;

e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Đối tượng tham gia xây dựng và nhân rộng mô hình

Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của

Chính phủ được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Quy mô xây dựng và nhân rộng mô hình

Áp dụng theo định mức kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Đối với mô hình trình diễn

a) Mức hỗ trợ cho mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/01 mô hình;

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình;

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe, hỗ trợ tiền nước uống: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này;

- Chi hỗ trợ tiền ăn: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 5 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND.

- Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu), trợ giảng: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

4. Đối với thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở hiện hành/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 7. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung

Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mức chi

a) Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này;

c) Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Nội dung và phương thức thực hiện

Hoạt động và phương thức thực hiện hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyên giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức chi

a) Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyên giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Tây Ninh, chế độ chi tổ chức hội nghị quốc tế tại Tây Ninh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 9. Nội dung chi khác

1. Nội dung và phương thức thực hiện

Chuyên giao tiên bộ khoa học mới từ các nước có nền nông nghiệp phát triển thông qua hình thức thuê chuyên gia nước ngoài; mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông.

2. Mức chi

a) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông; mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật;

b) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí từ sự nghiệp kinh tế của tỉnh.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của hoạt động khuyến nông.

3. Nguồn vận động, tài trợ hợp pháp khác.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành trở về sau thì áp dụng theo Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản đã sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định và hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm